TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2019/DS-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Luận
2. Ông Trần Văn Ân

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2019/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Châu Thị Hồng V, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của chị V là ông Lê Văn A, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre theo Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2019. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quan T, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Châu Thị Hồng V là ông Lê Văn A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên chị V có cho anh Nguyễn Quan T vay 03 lần tiền. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 08/11/2018, chị V cho anh T vay 220.000.000 đồng, thời gian cho vay là 30 ngày; Lần 2: Vào ngày 12/12/2018, chị V cho anh T vay 55.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng; Lần 3: Vào ngày 21/01/2019, chị V cho anh T vay 70.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng. Việc vay tiền có làm giấy mượn tiền và cam kết trả nợ. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Tổng cộng 03 lần vay là 345.000.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền anh T không trả nhưng chị V lại tiếp tục cho anh T vay các lần tiếp theo là do anh T đang đầu tư xây dựng kinh doanh quán cà phê chưa hoàn thiện, là chỗ quen biết nên chị V mới tiếp tục cho anh T vay. Ngoài ra, anh T có pho to cho chị V 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T đứng tên quyền sử dụng để làm tin nên chị V nghĩ anh T có tài sản và đồng ý cho vay. Ngày 02/02/2019, anh T có trả cho chị V số tiền 40.000.000 đồng. Hiện nay anh T còn nợ lại chị V số tiền 305.000.000 đồng. Do anh T không thực hiện đúng cam kết trả nợ cho chị V nên chị V khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc anh T có trách nhiệm trả cho chị V số tiền còn nợ là 305.000.000 đồng, chị V không yêu cầu tính lãi. Anh T không có vợ con nên chị V chỉ yêu cầu một mình anh T có trách nhiệm trả tiền cho chị V.

Bị đơn anh Nguyễn Quan T đã được tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời anh T đến tòa tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V về việc yêu cầu anh T trả số tiền 305.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị V khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quan T trả tiền nợ vay là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Theo xác nhận của Công An xã L, huyện G và xác minh của Tòa án xác định anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú

tại: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre nhưng hiện nay anh T không có mặt tại địa phương. Mặc dù, anh T không có mặt ở địa phương nhưng anh T đã sử dụng địa chỉ này để giao kết, thực hiện hợp đồng vay mượn tiền với chị V. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã bỏ đi khỏi địa chỉ nêu trên nhưng không thông báo cho người có thẩm quyền, chị V biết địa chỉ nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Do đó, tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Quan T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại tòa không có lý do thì xem như anh T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị V và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt đó. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời khai và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như các chứng cứ đã thu thập được để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án là phù hợp. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các giấy mượn tiền và cam kết trả nợ đề ngày 08/11/2018, chị V cho anh T mượn 220.000.000 đồng, thời gian trả là 30 ngày; ngày 12/12/2018, chị V cho anh T mượn 55.000.000 đồng, thời gian trả là 01 tháng; ngày 21/01/2019, chị V cho anh T mượn 70.000.000 đồng, thời gian trả là 01 tháng. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng. Tổng cộng 03 lần vay là 345.000.000 đồng. Chị V thừa nhận ngày 02/02/2019, anh T có trả cho chị 40.000.000 đồng nên chỉ còn nợ số lại 305.000.000 đồng. Các giấy mượn tiền và cam kết trả nợ đều có chữ ký và ghi rõ họ tên người mượn tiền là anh Nguyễn Quan T. Đều này xác định anh T đã tự nguyên giao kết và thực hiện hợp đồng vay tiền đối với chị V nhưng đến thời hạn trả nợ theo thỏa thuận anh T không trả đủ tiền cho chị V là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, chị V khởi kiện yêu cầu anh T có trách nhiệm trả số tiền nợ 305.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận. Ghi nhận việc chị V không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị V được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định là 305.000.000 đồng x 5% = 15.250.000 đồng. Hoàn tạm ứng án phí cho chị Châu Thị Hồng V.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Hồng V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Nguyễn Quan T.

Buộc anh Nguyễn Quan T có trách nhiệm trả cho chị Châu Thị Hồng V số tiền vốn vay 305.000.000đ (Ba trăm lẻ năm triệu đồng).

Ghi nhận việc chị V không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nêu trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quan T phải chịu 15.250.000đ (Mười lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Hoàn trả cho chị Châu Thị Hồng V số tiền 7.625.000đ (Bảy triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004169 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Khắc Giang